TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

Bà Vương Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2025/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn D, sinh năm 1978; thường trú: 61/1, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Phòng trọ số 9B – nhà trọ số A, đường số A, khu dân cư A, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Cao Thị X, sinh năm 1978; thường trú: 61/1, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn D và bà Cao Thị X tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 28 tháng 02 năm 2003. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hoà giải nhưng không

thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D đã có đơn khởi kiện ly hôn bà X.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Gia K, sinh ngày 17/4/2006 và Phạm Quỳnh N, sinh ngày 29/9/2013. Khi ly hôn, ông D đồng ý giao con chung cháu Phạm Quỳnh N cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Đối với con chung cháu Phạm Gia K đã thành niên nên ông D không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Dương T thoả thuận với bà X, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Cao Thị X có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và đồng thời trình bày là về quan hệ hôn nhân, con chung thì bà X thống nhất với lời trình bày của ông D. Quá trình sống chung, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Do mẫu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc ông D sống không chung thuỷ với vợ nên việc ông D có đơn yêu cầu ly hôn với bà X thì bà X không đồng ý ly hôn, trường hợp Toà án giải quyết ly hôn thì bà X mong muốn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Quỳnh N, sinh ngày 29/9/2013, còn cháu Phạm Gia K, sinh ngày 17/4/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung thì tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D và bà X đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà X xảy ra trong một thời gian dài, rất nghiêm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, do đó cần giải quyết cho ông D được ly hôn bà X. Về con chung thì khi ly hôn cả ông D và bà X thống nhất giao con chung cháu Phạm Quỳnh N, sinh ngày 29/9/2013 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng nên đề nghị ghi nhận sự thoả thuận của đương sự, phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Văn D khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bà Cao Thị X. Bà X có địa chỉ thường trú tại số F, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn D và bà Cao Thị X tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 28 tháng 02 năm 2003. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng ông D và bà X chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại ông D và bà X đã sống ly thân, ông D xác định không còn tình cảm yêu thương bà X nên đã có đơn khởi kiện ly hôn bà X. Quá trình giải quyết vụ án, bà X cũng thống nhất với lời trình bày của ông D về quan hệ hôn nhân, con chung, nhưng mâu thuẫn vợ chồng là do ông D sống không chung thuỷ chứ không phải do bà X, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay, do đó, bà X không đồng ý ly hôn ông D. Xét, lời trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau*: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Ông D và bà X đều xác định không còn tình cảm yêu thương và hiện tại vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đối chiếu quy định của pháp luật nêu trên thì mục đích hôn nhân giữa ông D và bà X không đạt được nên cần giải quyết cho ông D và bà X ly hôn, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông D và bà X có 02 con chung tên Phạm Gia K, sinh ngày 17/4/2006 và Phạm Quỳnh N, sinh ngày 29/9/2013. Khi ly hôn, ông D đồng ý giao con chung cháu Phạm Quỳnh N cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng và bà X cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu N, phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Đối với con chung cháu Phạm Gia K đã thành niên nên ông D và bà X đều không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà X tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TPhương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D đối với bà Cao Thị X về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn D được ly hôn bà Cao Thị X.

- Về con chung: bà Cao Thị X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Quỳnh N, sinh ngày 29/9/2013. Ông Phạm Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Phạm Văn D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Cao Thị X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn D cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Phạm Văn D phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007978, ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: ông Phạm Văn D phải chịu 300.000 đồng.

4. Ông Phạm Văn D và bà Cao Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân